

Bản án số 228/2024/DS-PT
Ngày: 21-11-2024
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông.
Bà Đào Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 241/2024/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Lệ T, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, có mặt.
- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2023, nguyên đơn bà Phan Lệ T trình bày: Năm 2002, bà được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị T1 cho một phần đất cây lâu năm, hiện bà đã cất nhà và sử dụng. Đến năm 2010 thì bà có đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất mà bà được bà T1 cho có chiều ngang phía trước 12.3m, dài 93m, ngang sau 6.6m, có cắm trụ đá. Phần ranh giữa bà và bà T1 là con mương nên bà T1 cho bà nửa con mương giáp ranh là điểm trụ đá 6.6m và bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với số thửa đất mới là: 3765, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng cây lâu năm, ngày cấp: 25/5/2010.

Nay bà xác định ranh đất lại thì phần đất đoạn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm Đ đã lấp mương lấn qua phần đất của bà và ngăn cản không cho bà lấy thẳng ranh như thỏa thuận giữa bà và bà T1 khi bà T1 còn sống. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ trả lại cho bà phần đất lấn, chiếm ngang 01m x dài 50m, đất tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà phát biểu ý kiến thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 49.lm², được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính số: 12-2024 ngày 29/01/2024 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 - Chi nhánh H là vị trí số II. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có nghĩa vụ tháo dỡ phần mái che đầu tư trên phần đất tranh chấp để trả lại đất trống cho bà sử dụng.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ trình bày: Bà phản bác lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lệ T. Yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 49.lm², được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính số: 12-2024 ngày 29/01/2024 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 - Chi nhánh H là vị trí số II.

Lý do bà yêu cầu như trên là bởi vì: ranh giới phần đất giữa bà và bà T được phân định bằng một con mương, trước giờ bà và bà T sử dụng chung, nên nay bà yêu cầu chia đôi với bà T mỗi người một nửa con mương.

Tại bản án sơ thẩm số 109/2024/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lệ T. Công nhận cho bà Phan Lệ T được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 49.lm², loại đất CLN, được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính số: 12-2024 ngày 29/01/2024 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 - Chi nhánh H là vị trí số II. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ phần mái che có diện tích ngang 0.4m, dài 10.5m đầu tư trên phần đất tranh chấp để trả lại đất trống cho bà Phan Lệ T sử dụng.

(Có Mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án).

Về chi phí tố tụng: buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có nghĩa vụ chịu số tiền 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) để trả lại cho bà Phan Lệ T đã nộp tạm ứng trước đó.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng bà không đồng ý chịu số tiền chi phí tố tụng là 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn bà Phan Lệ T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá đương sự phải chịu nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận.

Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (khoản 1 Điều 158 BLTTDS). Trường hợp người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản không phải chịu chi phí định giá thì người phải chịu chi phí định giá theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá (khoản 1 Điều 166 BLTTDS).

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lệ T nên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng do bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ nộp và hoàn lại cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chi phí tố tụng không thuộc trường hợp được miễn, giảm theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Mặt khác, Bà T không có kháng cáo gì về nội dung của vụ án nên phần không có kháng cáo có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do vậy, kháng cáo của bị đơn bà Đ là không có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đ được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013;
Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự 2015;
Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Lê T. Công nhận cho bà Phan Lê T được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 49.lm², loại đất CLN, được ký hiệu trong Mảnh trích đo địa chính số: 12-2024 ngày 29/01/2024 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 - Chi nhánh H là vị trí số II. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời toàn bộ phần mái che có diện tích ngang 0.4m, dài 10.5m đầu tư trên phần đất tranh chấp để trả lại đất trống cho bà Phan Lê T sử dụng.

(Có Mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm Đ có nghĩa vụ chịu số tiền 7.150.000đ (Bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) để trả lại cho bà Phan Lê T đã nộp tạm ứng trước đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Cẩm Đ.

- Hoàn trả lại cho bà Phan Lê T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000637 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Cẩm Đ được miễn theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 21 tháng 11 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND Thành phố V, Hậu Giang;
- Chi cục THADS TP. V, Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trịnh Thị Bích Hạnh